

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng
phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn**

Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 25/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn¹

¹ Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh².

Thông tư này quy định về chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay; việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, cho vay mới; hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ; ân hạn nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.”

² Điều này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính bao thanh toán), tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng).

2.³ Khách hàng vay vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).

Điều 3. Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) thực hiện hỗ trợ nguồn vốn đối với các tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ theo quy định hiện hành, bao gồm:

1. Tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.
2. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.
3. Các chính sách hỗ trợ khác.

Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới

1.⁴ Khách hàng quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP khó khăn trong việc trả nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức tín dụng xem xét:

³ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

⁴ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đánh giá của tổ chức tín dụng về khả năng trả nợ của khách hàng; thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ phù hợp với chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng tổng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ tối đa không vượt quá thời hạn cho vay vốn ban đầu theo hợp đồng tín dụng đã ký;

b) Sau thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, khách hàng không trả được nợ vay đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ thì tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ đối với khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Cho vay mới để phục hồi sản xuất kinh doanh đối với khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi.

2. Căn cứ quy định hiện hành và khả năng tài chính của mình, tổ chức tín dụng xem xét thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác (bao gồm cả miễn, giảm lãi vay, lãi quá hạn; ưu tiên thu nợ gốc trước thu nợ lãi sau) nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh.

Điều 4a. Ân hạn nợ⁵

Đối với khách hàng vay để trồng, chăm sóc, tái canh cây lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn nợ gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian tính từ khi tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

⁵ Điều này đã được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục khoan nợ, xóa nợ⁶

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).

Điều 6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

1. Tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản bảo đảm của các khoản cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tối đa bằng 100% so với tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm tương ứng của khoản cho vay lĩnh vực khác.

2. Tổ chức tín dụng quyết định tỷ lệ khấu trừ đối với từng loại tài sản bảo đảm của khoản cho vay trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khi xử lý tài sản bảo đảm đó nhưng không được vượt quá tỷ lệ khấu trừ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

2.⁷ Ban hành hướng dẫn để triển khai thống nhất trong hệ thống tổ chức tín dụng về:

- Cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về

⁶ Điều này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

⁷ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoan nợ.

3.⁸ Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thông tin, tuyên truyền về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

4.⁹ Xác định và ghi rõ mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn tại hợp đồng tín dụng, theo dõi riêng hồ sơ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

5.¹⁰ Báo cáo Ngân hàng Nhà nước dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ hàng quý (trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo) báo cáo tình hình cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo mẫu biểu đính kèm Thông tư này.

6.¹¹ Thực hiện kiểm tra, giám sát trong hệ thống về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ để đảm bảo phản ánh đúng tình trạng của các khoản nợ.

⁸ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

⁹ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹⁰ Khoản này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹¹ Khoản này đã được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) ¹² Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc phối hợp với Bộ Tài chính xem xét xử lý đề nghị khoan nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nguồn vốn đối với tổ chức tín dụng cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở chi nhánh, phòng giao dịch tại khu vực nông thôn (đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn) trên cơ sở các tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹² Điểm này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

b) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật;

Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Theo dõi và phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong việc triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn;

b) ¹³Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận, rà soát, tổng hợp hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoan nợ của tổ chức tín dụng để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);

c) Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, giám sát việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định;

d) ¹⁴ (được bãi bỏ)

Điều 9. Điều khoản thi hành¹⁵

¹³ Điểm này đã được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹⁴ Điểm này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹⁵ Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 quy định như sau:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2015.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

“Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2018./.”

Mẫu biểu 01¹⁶

(được bãi bỏ)

Mẫu biểu 02¹⁷

(được bãi bỏ)

Mẫu biểu 03¹⁸

(được bãi bỏ)

Mẫu biểu 04¹⁹

(được bãi bỏ)

¹⁶ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹⁷ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

¹⁸ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018

¹⁹ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

Mẫu biểu 05²⁰

(được bãi bỏ)

Mẫu biểu 06²¹

(được bãi bỏ)

²⁰ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

²¹ Mẫu biểu này đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ VÀ GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ
ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN²²**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Quý năm

(Đơn vị tính: Triệu đồng, khách hàng)

STT	Khách hàng	Nợ ngắn hạn			Nợ trung, dài hạn			Tổng cộng		
		Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh									
2	Chủ trang trại									

²² Mẫu biểu này được quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 19 /VBHN-NHNN

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Đồng Tiến